

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **212/2021/DSST**

Ngày: 04/11/2021

V/v tranh chấp: “Hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Châu Vũ Bình;

2. Bà Lê Thị Ngọc Ánh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Trong ngày **04** tháng **11** năm **2021** tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số: 54/2021/TLST-DS ngày 03/3/2021 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/QĐXXST-DS ngày 05/7/2021 và các quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở lại phiên tòa giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Thương Mại A.

Địa chỉ: khu phố M, phường N, thành phố X, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Ngọc B – Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm giám đốc;

Địa chỉ: phường N1, Quận Y, TP. HCM.

2. Bị đơn: Trần Ngọc C, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp M1, xã N2, huyện Y1, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản hòa giải bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày: Từ ngày 01/3/2018 ông Trần Ngọc C có mua hàng hóa là sắt cuộn của Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Thương Mại A (gọi tắt là Công ty A) mỗi lần mua bình quân từ 60.000.000 đồng, mỗi lần mua ông C đều thanh toán đầy đủ. Ngày 05/8/2018 ông C tiếp tục mua sắc cuộn 4.9 ly với số tiền 89.382.200 đồng, Công ty A đã giao hàng cho ông C nhưng ông C không thanh toán đầy đủ tiền cho Công ty A, chỉ giao 35.000.000 đồng, số tiền còn lại 54.382.200 đồng thì ngưng không trả tiếp. Công ty có nhiều lần đòi số tiền còn thiếu nhưng ông C vẫn không trả. Công ty A có thưa ông C ra Ủy ban nhân dân xã N2, Ủy ban nhân dân xã N2 có tổ chức hòa giải, ông C thừa nhận

có mua sắt Công ty A nhưng mua với số tiền 229.719.000 đồng, trả trước 190.000.000 đồng còn nợ lại 39.719.000 đồng, không phải 54.382.000 đồng, ông C đồng ý trả cho Công ty A số tiền 40.000.000 đồng và trả trong vòng 03 tháng từ 01/7/2020, nếu không trả phải trả tiền lãi. Tuy nhiên, ông C vẫn không trả số tiền như đã hứa. Nay Công ty khởi kiện yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ mua bán sắt cho công ty 40.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1.66%/tháng kể từ ngày 01/7/2020 đến ngày Tòa án xét xử.

Bị đơn ông Trần Ngọc C trình bày: Ông có mua bán sắt cuộn với Công ty TNHH MTV A. Đến ngày 01/7/2020 trong buổi hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã N2 ông và Công ty có thỏa thuận ông còn nợ Công ty 40.000.000 đồng, hẹn trả chậm nhất vào ngày 01/10/2020, đến nay ông chưa trả cho Công ty vì ông quá khó khăn. Nay ông đồng ý trả cho Công ty số tiền 40.000.000 đồng và đồng ý tính lãi theo lãi suất 1.66%/ tháng. Tuy nhiên, do kinh tế khó khăn ông xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ Công ty.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ; Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc B có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trần Ngọc C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Phụng, ông C theo qui định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của Công ty A yêu cầu ông Trần Ngọc C phải có nghĩa vụ trả số tiền mua sắt cho công ty là 40.000.000 đồng và lãi suất 1.66%/tháng đến ngày xét xử tính tròn là 16 tháng với số tiền lãi là 10.624.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “hợp đồng mua bán” theo qui định tại Điều 430 Bộ luật dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Thương Mại A là có cơ sở. Bởi lẽ, căn cứ vào chứng cứ: Biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã N2 ngày 01/7/2020 và lời thừa nhận của ông Trần Ngọc C có cơ sở xác định ông Trần Ngọc C còn nợ Công ty A số tiền 40.000.000 đồng tiền mua bán sắt cuộn, hai bên thỏa thuận thời hạn 03 tháng kể từ ngày 01/7/2020 sẽ trả lại. Tuy nhiên, đến nay ông C chưa trả cho Công ty khoản tiền nào do đó Công ty đã khởi kiện yêu cầu ông C có nghĩa vụ trả số tiền 40.000.000 đồng và lãi suất 1.66%/tháng tính từ ngày 01/7/2020 đến ngày xét xử là có căn cứ phù hợp qui định tại Điều 440 Bộ luật dân sự, nên Hội đồng

xét xử buộc ông C phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ trên cho Công ty A theo yêu cầu của Công ty là phù hợp;

[4] Đối với yêu cầu của ông C xin tiếp tục trả nợ dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và đồng ý tính lãi 1.66%/tháng. Xét yêu cầu trả nợ dần của ông C là không có cơ sở. Bởi lẽ, việc xin trả nợ dần của ông C không được phía Công ty A đồng ý, ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Công ty A, Công ty Ý thành đã cho thời gian ông C trả nợ dần từ 01/7/2020 đến 01/10/2020 nhưng ông C không thực hiện việc trả nợ, cố tình kéo dài thời hạn trả nợ cho Công ty A gây thiệt thòi đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty A nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin trả nợ dần của anh C.

[5] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phía bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo qui định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Thương Mại A;

Buộc ông Trần Ngọc C có nghĩa vụ trả cho Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Thương Mại A số tiền nợ mua sắt **40.000.000** đồng (bốn mươi triệu đồng) và lãi là **10.624.000** đồng (Mười triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn).

Trường hợp ông Trần Ngọc C chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được qui định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo qui định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Án phí: Ông Trần Ngọc C phải chịu 2.531.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn lại cho Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Thương Mại A 1.564.500 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0004688 ngày 02/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo;

Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7

và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(đã ký)

NGUYỄN THỊ MỸ LIL